

KHAI GIẢNG KHÓA HỌC



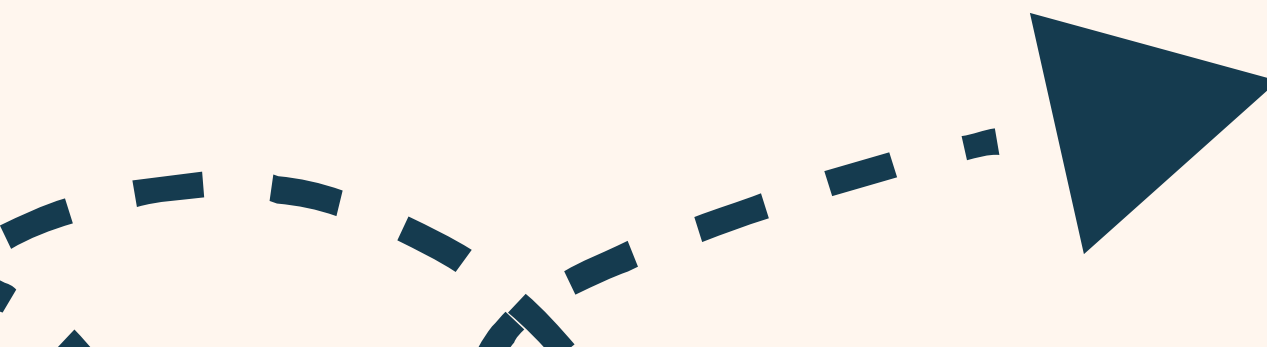
Thời lượng buổi học:

+ 2 BUỔI/TUẦN

+ 1 BUỔI: 3 TIẾNG (18h30-21h30)

+ TỔNG 6 THÁNG (52 BUỔI)

+ Địa điểm: 212 Đường D5, Phường 25, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh



ROADMAP FULLSTACK

Chủ đề 1: Định hướng nghề Front End, UI - UX nền tảng

Chủ đề 2: HTML, CSS, HTML5, CSS3, Layout, Flexbox qua nhiều dự án nền tảng đến chuyên sâu

Chủ đề 3: Bootstrap và Responsive design trong thực tế

Chủ đề 4: Nền tảng & chuyên sâu SASS/SCSS thực tế qua dự án

Chủ đề 5: Tư duy lập trình & nền tảng

Chủ đề 6: Lập trình xử lý Mảng, Chuỗi, Hàm, CTDL căn bản chuyên sâu

Chủ đề 7: Thuật toán nền tảng qua các dự án

Chủ đề 8: Lập trình hướng đối tượng nền tảng chuyên sâu

Chủ đề 9: Toàn tập Javascript, JS DOM & JS OOP nền tảng và chuyên sâu

Chủ đề 10: Javascript ES6 nền tảng và chuyên sâu

Chủ đề 11: Javascript Axios với API nền tảng & chuyên sâu

Chủ đề 12: Git, công cụ quản lý nhóm, mô hình Scrum/Agile

Chủ đề 13: ReactJS nền tảng qua demo dự án

Chủ đề 14: ReactJS chuyên sâu trên nhiều component

Chủ đề 15: React hook animation combo 3 dự án game (Bầu cua, Bói bài, Bài cào)

Chủ đề 16: Tổng hợp dự án full cuối khóa - Dự án Đặt vé phim trực tuyến

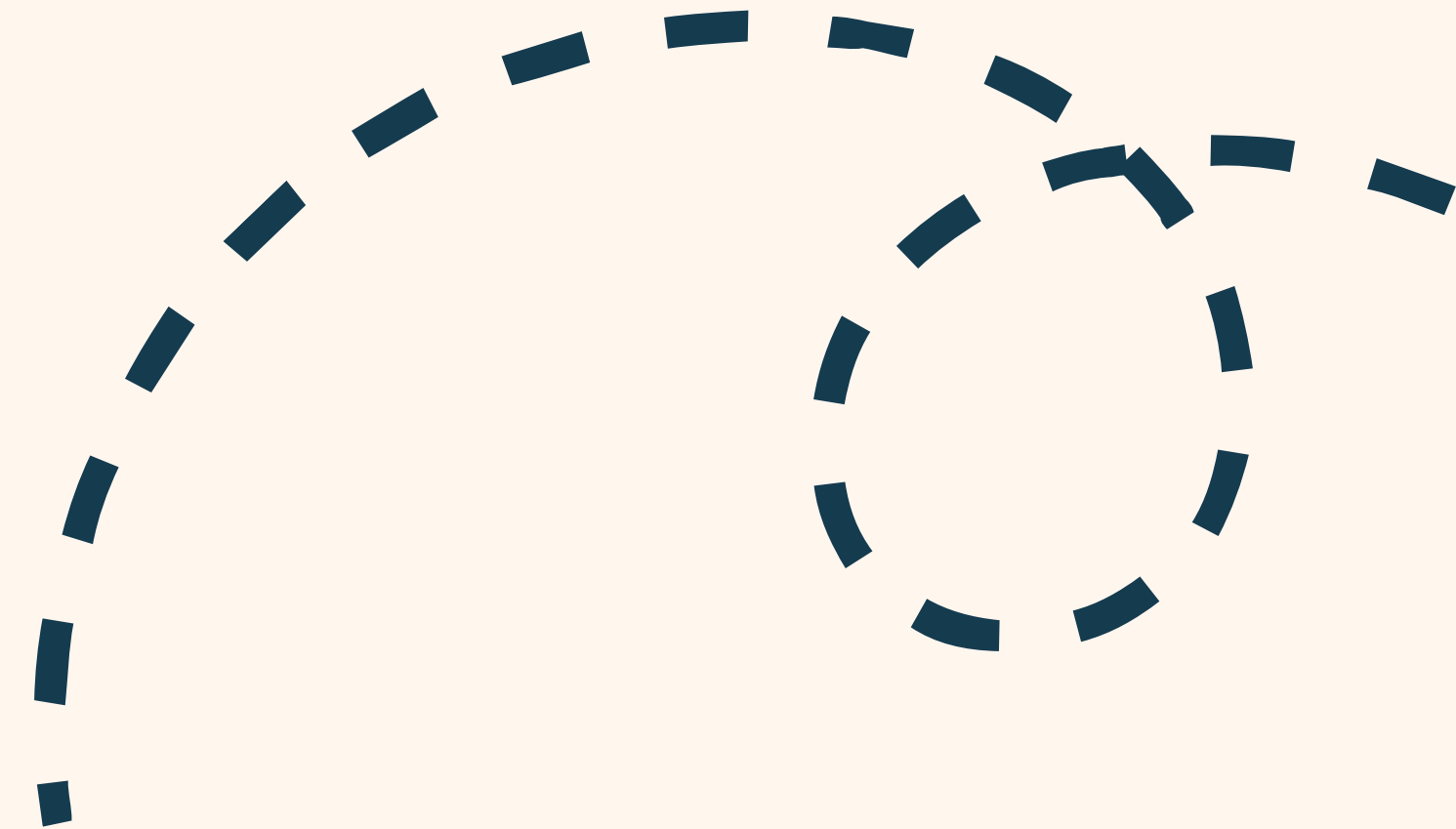
Chủ đề 17: BACK-END NodeJs nền tảng, JS Asynchronous

Chủ đề 18: BACK-END Cơ sở dữ liệu MongoDB - Phân tích lược đồ dữ liệu cho dự án

Chủ đề 19: BACK-END Toàn tập về Express JS trong NodeJS

Chủ đề 20: BACK-END NodeJS SocketIO Chat App

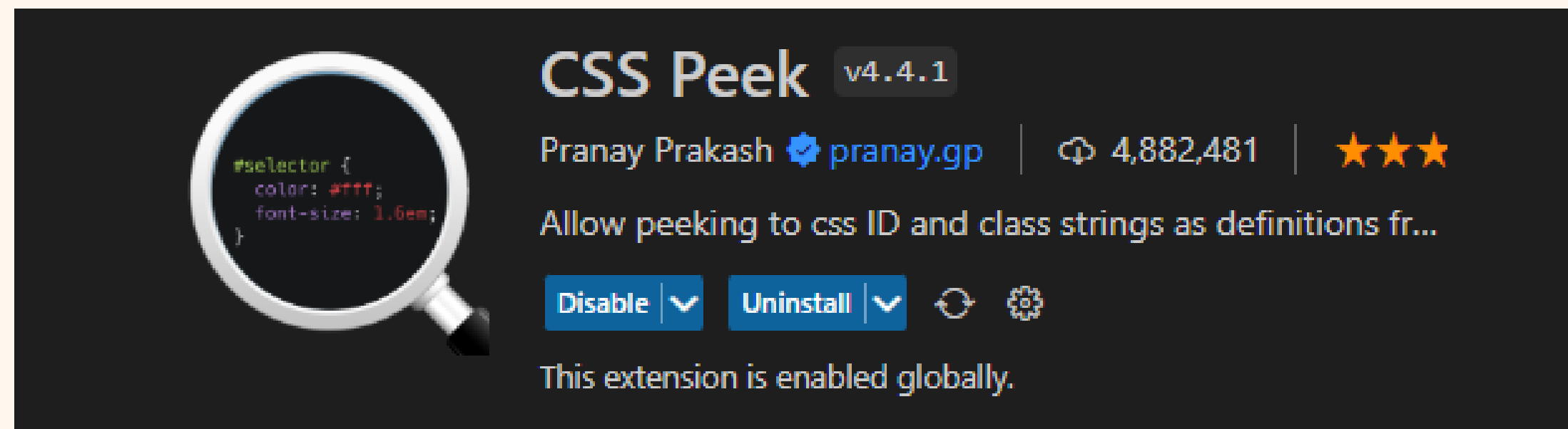
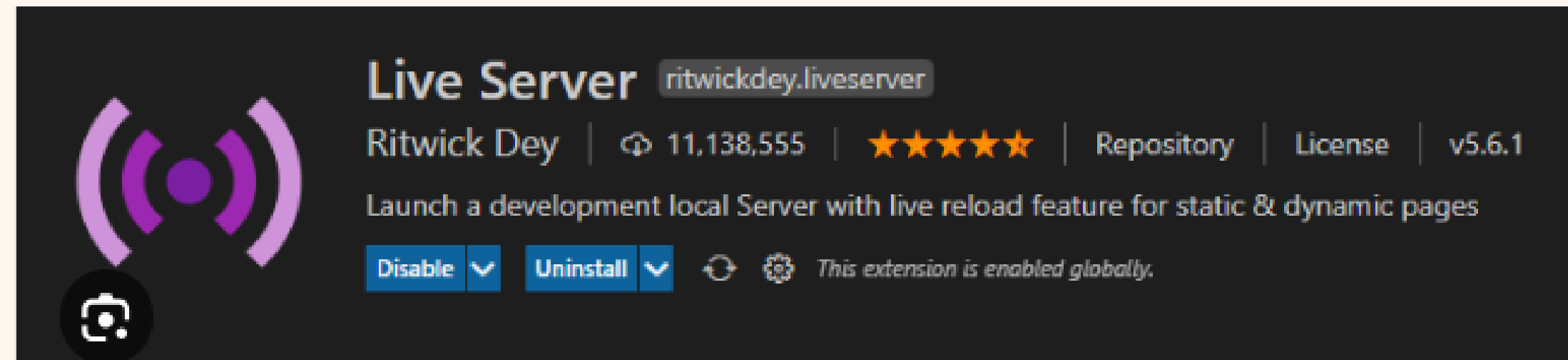
Chủ đề 21: BACK-END Build toàn bộ Backend cho dự án cuối khóa



CÀI ĐẶT TOOL LẬP TRÌNH



Visual Studio Code



Page Ruler Chrome Extension, Collor Zilla

KHÁI QUÁT CHỦ ĐỀ 1

Định hướng Front-end

Định hướng làm chuyên về UI/UX hoặc làm chuyên về các chức năng (thường gọi là web application)

UI-UX nền tảng

Có 2 nguyên tắc chính:

1/ Don't make me think

2/ How do we use the web



1. DON'T MAKE ME THINK - FIRST LAW

NOT THINKING

OK. This looks like the product categories...



Memory, Modems... There it is: Monitors. **Click**



...and these are today's special deals.



1. DON'T MAKE ME THINK - FIRST LAW

< OBVIOUSLY CLICKABLE

REQUIRES THOUGHT >



Results



Results



Results

<https://cyberso>

Results



Results



2. CHÚNG TA SỬ DỤNG WEB NHƯ THẾ NÀO?

WHAT WE DESIGN FOR...

Read

Read

Read

Read

[Pause for reflection]

Finally, click on a carefully chosen link

THE REALITY...

Look around feverishly for anything that

a) is interesting, or vaguely resembles what you're looking for, and

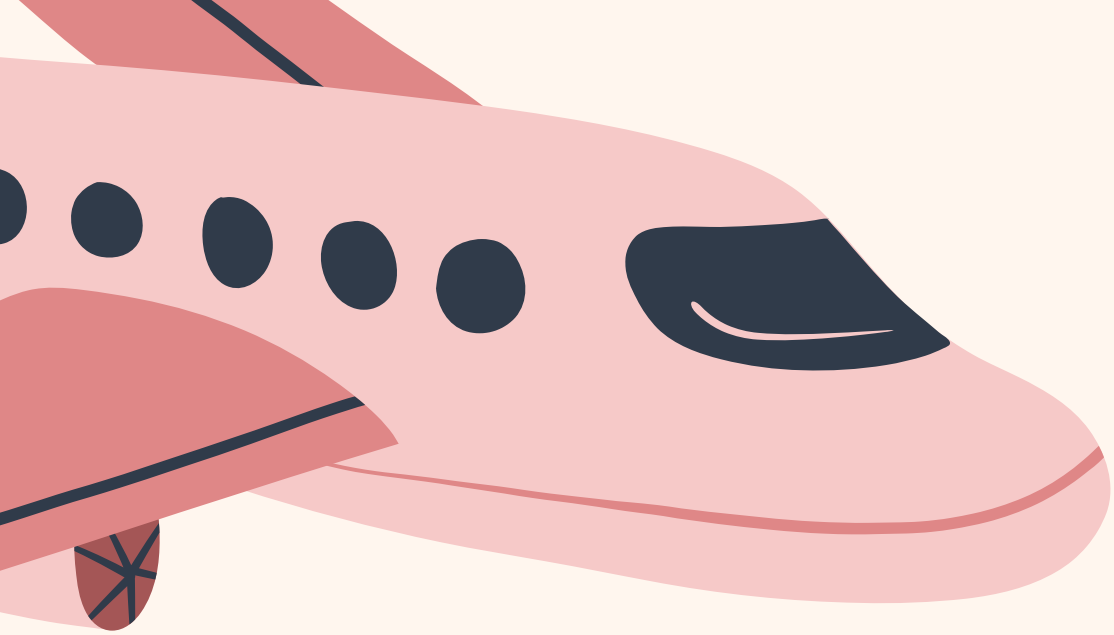
b) is clickable.

As soon as you find a halfway-decent match, click.

If it doesn't pan out, click the Back button and try again.

Two facts:

- 1/ We don't read things page. We scan through them
- 2/ We don't need to search understand how things work —> scan, try it out and find what we need —> can't find it —> off the web



1. NGƯỜI DÙNG KHÔNG CÓ NHIỀU TIME →
THIẾT KẾ ĐỂ SCANNING KHÔNG PHẢI ĐỂ ĐỌC

2. USER KHÔNG THÍCH ĐỘNG NÃO HOẶC SUY
NGHĨ, MUÔN TÌM NHANH, LỰA CHỌN DỄ
DÀNG

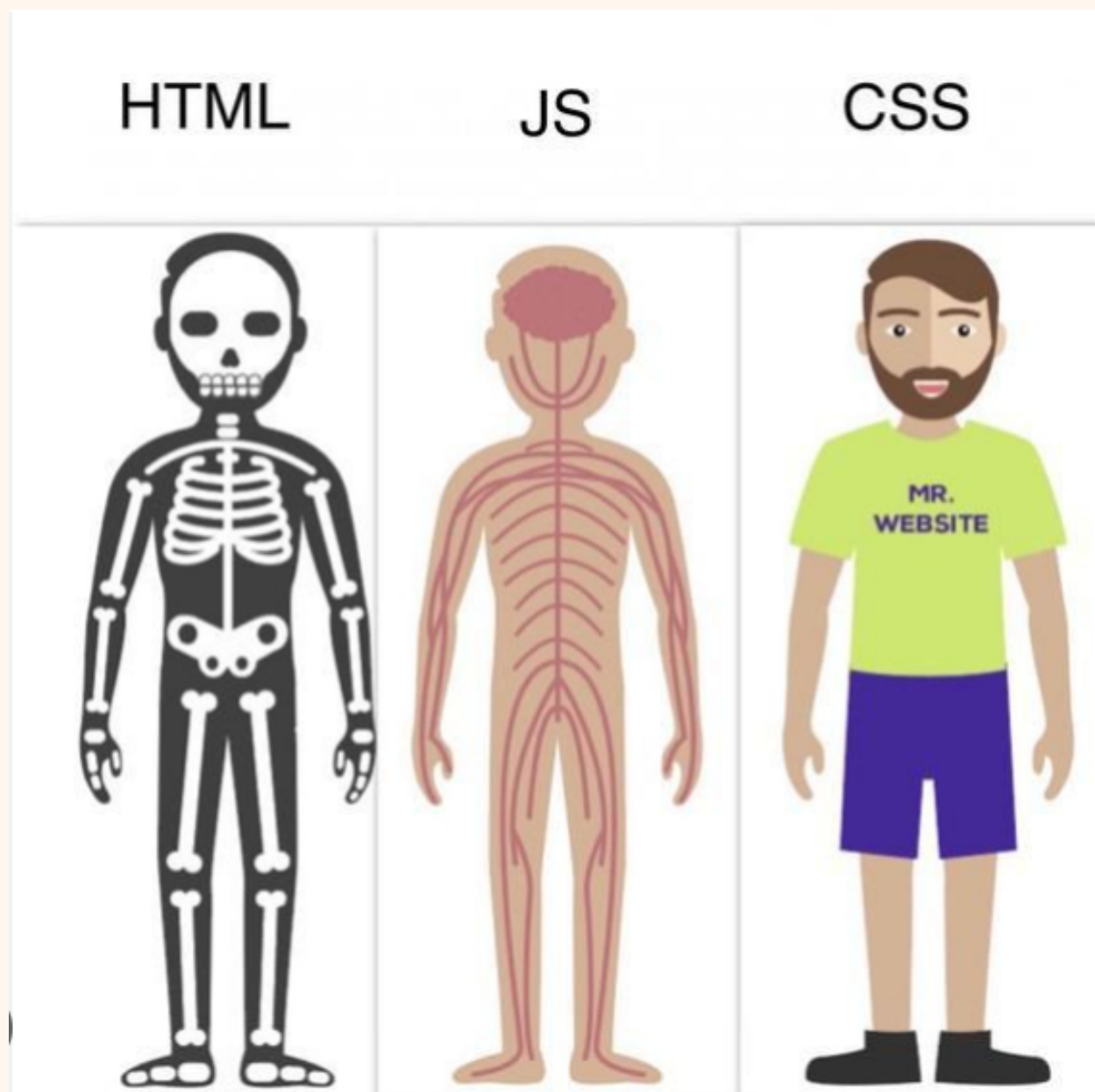
3. KHÔNG CẦN VIẾT DÀI DÒNG, RƯỜM RÀ,
ĐƠN GIẢN NHƯNG HIỆU QUẢ

4. ĐỊNH HƯỚNG NGƯỜI DÙNG DỄ DÀNG, NÚT
TÌM KIẾM, LOGO, TIÊU ĐỀ TRANG, BỐ TRÍ
THUẬN TIỆN



KHÁI QUÁT CHỦ ĐỀ 2

HTML, CSS, HTML5, CSS3



- 1/ HTML (Hyper Text Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản
- 2/ CSS (Cascading Style Sheets) ngôn ngữ trang trí cho các thẻ html

HTML

Cấu trúc 1 trang HTML

- `<!DOCTYPE html>` : Khai báo tài liệu html và phiên bản HTML sử dụng
- `<html></html>` Định nghĩa phạm vi của trang HTML
- `<head></head>` Định nghĩa các mô tả về trang HTML. Những thông tin trong tag này không được hiển thị trên trình duyệt
- `<title></title>` Mô tả tiêu đề của trang Web
- `<body></body>` Xác định vùng thân của trang Web, chứa các nội dung hiển thị

Cấu trúc thẻ (tag):

- Các thẻ HTML thường đi theo 1 cặp cấu trúc như trên (ex: `<p> </p>`)
- Tên thẻ thường mang tính gợi nhớ và không phân biệt hoa thường. Ex: p ~ paragraph (đoạn), b ~ bold (in đậm), i ~ italic (in nghiêng).
- Một số thẻ đặc biệt là thẻ đơn, không có thẻ đóng `
` hoặc `
` (xuống dòng)
`<hr>` hoặc `<hr/>` (đoạn kẻ ngang)



CÁC LOẠI THẺ HTML

Thẻ block, inline và inline-block là ba kiểu cơ bản của các phần tử HTML trong trình duyệt web. Chúng có các đặc điểm và cách hoạt động khác nhau:

1. Block Elements (Phần tử block):

- **Đặc điểm chính:** Phần tử block là các phần tử chiếm toàn bộ chiều rộng của khối chứa chúng và luôn bắt đầu từ một dòng mới, nghĩa là chúng sẽ đẩy các phần tử khác xuống dưới.
- **Ví dụ:** `<div>`, `<p>`, `<h1>`, ``, ``, `<form>`,...

2. Inline Elements (Phần tử inline):

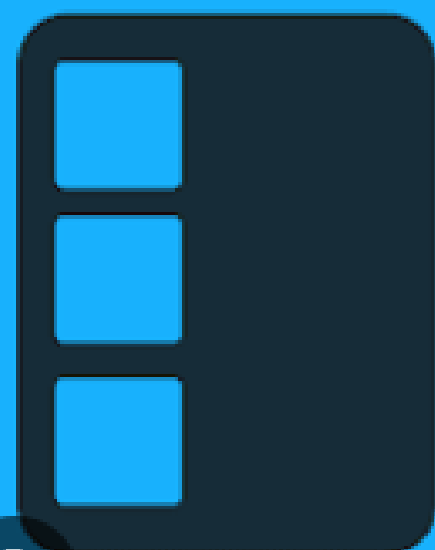
- **Đặc điểm chính:** Phần tử inline chỉ chiếm tài nguyên cần thiết và không bắt đầu từ một dòng mới. Chúng nằm cùng một dòng với phần tử trước và sau nó (nếu không có khoảng trống hoặc kết thúc dòng).
- **Ví dụ:** ``, `<a>`, ``, ``, ``, `
`,...

3. Inline-Block Elements (Phần tử inline-block):

- **Đặc điểm chính:** Phần tử inline-block kết hợp đặc điểm của cả phần tử block và inline. Chúng chiếm tài nguyên cần thiết và cũng nằm cùng một dòng với các phần tử trước và sau, nhưng cũng có khả năng cấu trúc nội dung bên trong như các phần tử block.
- **Ví dụ:** `<button>`, `<input>`, `<label>`, `<textarea>`,...

CSS DISPLAY

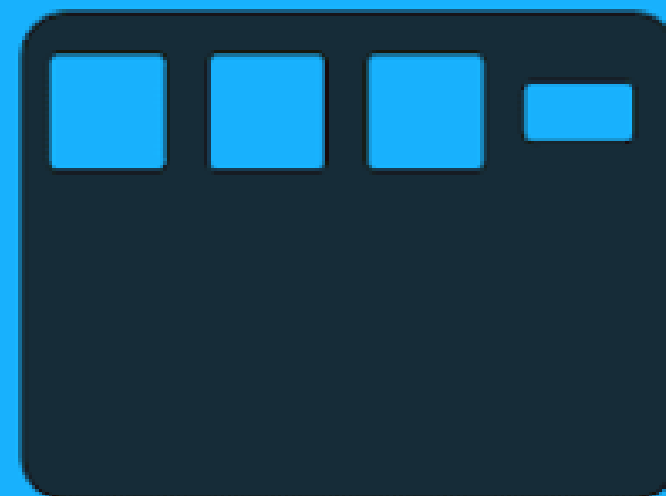
block



inline



inline-block



CSS

Mình tìm hiểu các thuộc tính quan trọng hay dùng:

- + display
- + padding
- + margin
- + position

Mình tìm hiểu về cách đặt tên CSS: quy tắc BEM giúp tránh được conflict khi teamwork với nhau, cấu trúc rõ ràng và dễ tuân thủ:

BEM: Block__element--modifier

- **Block (B)**: Block là một phần tử chính trong cấu trúc của trang web, thường là một thành phần gốc hoặc một phần tử độc lập. Đặt tên class cho block bắt đầu bằng tiền tố là tên của block đó. Ví dụ: header, footer, carousel, about, intro
- **Element (E)**: Element là một phần tử con nằm trong block và được kết nối chặt chẽ với block đó. Đặt tên class cho element bắt đầu bằng tên của block, sau đó sử dụng dấu gạch dưới (__) để phân tách. Ví dụ, nếu bạn có một element "menu" trong block "header", bạn có thể đặt tên class là **.header__menu**.
- **Modifier (M)**: Modifier là một biến thể hoặc trạng thái của block hoặc element. Đặt tên class cho modifier bắt đầu bằng tên của block hoặc element, sau đó sử dụng dấu gạch nối (--) để phân tách và thêm tên của modifier. Ví dụ, nếu bạn có một modifier cho block "header" để chỉ định màu sắc, bạn có thể đặt tên class là **.header--red**.

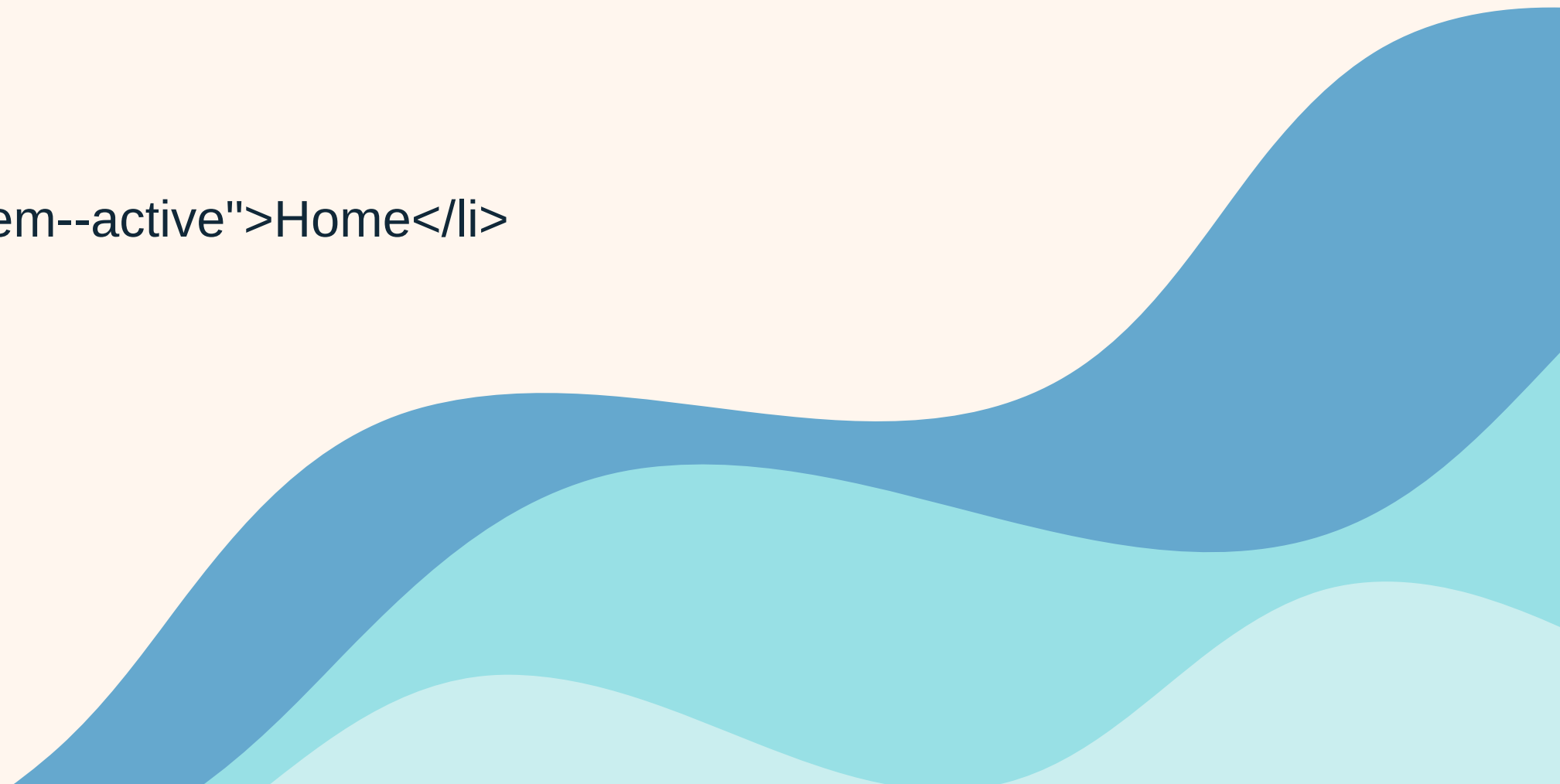
CSS

vd1:

```
<div class="info">  
  <div class="info__title">  
  </div>  
  <div class="info__description">  
  </div>  
</div>
```

vd2:

```
<div class="header">  
  <div class="header__menu">  
    <ul class="header__menu-list">  
      <li class="header__menu-item header__menu-item--active">Home</li>  
      <li class="header__menu-item">About</li>  
      <li class="header__menu-item">Contact</li>  
    </ul>  
  </div>  
</div>
```



CSS

Có 3 cách thêm css vào file html:

+ cách 1: external css là tạo 1 file có đuôi extention và import vào file html qua thẻ link

vd: `<link rel="stylesheet" href="mystyle.css">`

“style.css”

```
body {  
  background-color: lightblue;  
}  
h1 {  
  color: navy;  
  margin-left: 20px;  
}
```

+ cách 2: internal css là chúng ta viết code css bên trong cặp thẻ style

`<style>`

```
h1 {  
  color: maroon;  
  margin-left: 40px;  
}
```

`</style>`



CSS

+ cách 3: inline css là chúng ta viết các thuộc tính css bên trong html element

vd:

```
<h1 style="color:blue;text-align:center;">This is a heading</h1>
```

```
<p style="color:red;">This is a paragraph.</p>
```



THỰC HÀNH QUA DỰ ÁN CAFE SHOP

Link hình ảnh: https://drive.google.com/drive/folders/1vcP1DIj4b2HnltHN5Skf9FL6zdm9u3Rh?usp=drive_link



	Name	Type	Price
Traditional Coffee	Vietnamese coffee pin	Hot	60.000
		Cold	28.000
	milk coffee	Hot	38.000
		Cold	54000
Expresso	Amecian Coffee	Hot	110.000
	Machiato		40.000
	Cappuchino		

```

<table align="center" border="1" cellspacing="0" width="600px" cellpadding="10px">
  <tr>
    <th colspan="2" bgcolor="#c4cdd6">Name</th>
    <th bgcolor="#c4cdd6">Type</th>
    <th bgcolor="#c4cdd6">Price</th>
  </tr>
  <tr>
    <td rowspan="4" style="background-image: url(./img/chilling-cafe-13.jpg); color: white;">Traditional Coffee</td>
    <td rowspan="2">Vietnamese coffee pin</td>
    <td>Hot</td>
    <td>60.000</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Cold</td>
    <td>28.000</td>
  </tr>
  <tr>
    <td rowspan="2">milk coffee</td>
    <td>Hot</td>
    <td>38.000</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Cold</td>
    <td>54000</td>
  </tr>
  <tr>
    <td rowspan="3">Expresso</td>
    <td>Amecian Coffee</td>
    <td rowspan="3">Hot</td>
    <td>110.000</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Machiato</td>
    <td rowspan="2">40.000</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Cappuchino</td>
  </tr>
</table>

```